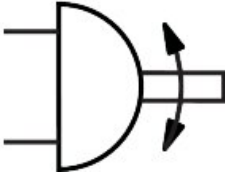
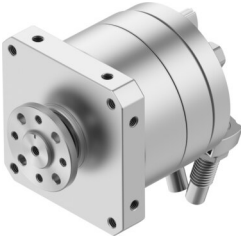


**Bộ truyền động xoay**  
**DSM-T-16-270-CC-FW-A-B**  
Số bộ phận: 1145095

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                          | Giá trị                                                       |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                        | 16                                                            |
| Góc giảm âm                                       | 12 °                                                          |
| Phạm vi điều chỉnh góc xoay                       | 0 °...246 °                                                   |
| Góc xoay                                          | 0 °...246 °                                                   |
| Bán kính dừng cho phép                            | 17 mm                                                         |
| Đệm                                               | Bộ giảm chấn hai bên                                          |
| Vị trí lắp đặt                                    | bất kì                                                        |
| Điều chỉnh thích hợp                              | -3 °                                                          |
| Nguyên tắc vận hành                               | tác động kép                                                  |
| Cấu trúc xây dựng                                 | Cánh xoay                                                     |
| Phát hiện vị trí                                  | cho các công tắc gần                                          |
| Áp suất vận hành                                  | 0.25 MPA...1 MPA<br>2.5 bar...10 bar                          |
| Tần số xoay tối đa ở 0,6 MPA (6 bar, 87 psi)      | 1 Hz                                                          |
| Độ chính xác lặp lại                              | 0.1 °                                                         |
| Môi chất vận hành                                 | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển             | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                              | 0 - không ứng suất ăn mòn                                     |
| Tuân thủ LABS                                     | VDMA24364-B2-L                                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                    | -10 °C...60 °C                                                |
| Lực tác động tối đa                               | 160 N                                                         |
| Lực dọc trục tối đa                               | 30 N                                                          |
| Lực hướng tâm tối đa                              | 75 N                                                          |
| Mô men xoắn lý thuyết tại 0,6 MPA (6 bar, 87 psi) | 5 N m                                                         |
| Mô-men quán tính khối lượng cho phép              | 0.02 kgm <sup>2</sup>                                         |
| trọng lượng sản phẩm                              | 700 g                                                         |
| Kiểu gắn                                          | với ren trong                                                 |
| Cổng nối khí nén                                  | M5                                                            |
| Ghi chú vật liệu                                  | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vật liệu trực truyền động                         | Thép<br>mạ niken                                              |
| Vật liệu của phốt                                 | TPE-U (PU)                                                    |

| Đặc tính    | Giá trị          |
|-------------|------------------|
| Vật liệu vỏ | Hợp kim nhôm rèn |